TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2025
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Ông Thạch Tấn P, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Bà K, ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà trình bày:

Bà và ông Thạch Tấn P kết hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đặng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp,

thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Thạch Tấn P, sinh ngày 27/11/2008, hiện nay đang sống với ông P. Bà yêu cầu ông P tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông P trình bày: Về hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà Dương Thị K. Về con chung, ông đồng ý nuôi cháu Thạch Tấn P, sinh ngày 27/11/2008, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị K về việc ly hôn với ông Thạch Tấn P. Về con chung: Giao cháu Thạch Tấn P, sinh ngày 27/11/2008 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị K yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Thạch Tấn P, cư trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà K và ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà K, ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông P kết hôn và năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/6/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà K trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà K, ông P đoàn tụ nhưng ông P không đến tham dự các phiên hòa giải và bà K kiên quyết yêu cầu ly hôn, đã chứng tỏ ông bà không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, bà K và ông P không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài, mỗi người có một cuộc sống riêng và ông P có ý kiến đồng ý ly hôn với bà K. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông P có 01 con chung là cháu Thạch Tấn P, sinh ngày 27/11/2008. Bà K yêu cầu ông P tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, cháu P đã đủ 07 tuổi, thuộc trường hợp phải lấy ý kiến con theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã ra thông báo về việc lấy ý kiến con chưa thành niên nhưng bà K và ông P không đưa con đến Tòa để lấy ý kiến theo quy định. Theo hướng dẫn tại mục 8 phần I Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặc của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không cần phải lấy ý kiến con chưa thành niên là phù hợp. Hiện nay, cháu P đang sinh sống ổn định với ông P và ông P đồng ý được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu P, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, cần giao cháu P cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P tự nguyện không yêu cầu bà K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K, ông P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Bà K phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K về việc ly hôn với ông Thạch Tấn P.

Bà Dương Thị K được ly hôn với ông Thạch Tấn P.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Tấn P, sinh ngày 27/11/2008 cho ông Thạch Tấn P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông Thạch Tấn P tự nguyện không yêu cầu bà Dương Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Dương Thị K được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị K và ông Thạch Tấn P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0007611 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang